TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 382/2023/HC-PT
Ngày 23/11/2023.
V/v khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường

ông Trương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 201/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 253/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Bùi Tá T - sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: tổ G, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ông T vắng mặt, bà L có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: bà Y Lê Thanh T1 và bà Lương Nguyễn Thị S (theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 17/10/2023).

Bà T1 trú tại: thôn K, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Bà S trú tại: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Bà T1 và bà S đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Nguyễn Cao H - Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

2. Người bị kiện: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Trần Trung C - Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q (theo văn bản ủy quyền số 278/QĐ-VPĐKĐ ngày 07/11/2022).

Địa chỉ: số E đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q.

Người đại diện hợp pháp: ông Trương Quang Đ - Nhân viên Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q (theo văn bản ủy quyền số 16488/TB-CNTPQN ngày 16/6/2023).

Địa chỉ: số E đường N, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Bùi Tá C1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: tổ G, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Bùi Tá T và bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:*

Năm 1975, ông bà nội ông Bùi Tá T là ông Bùi Tá Đ1 và bà Trần Thị K có tạo lập một diện tích đất tại phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ông bà nội ông đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg là thửa đất số 35, tờ bản đồ số 04, phường T, diện tích 2.010m^2, loại đất T (đất thổ cư).

Ông bà nội ông có 03 người con chung là Bùi Tá H1, Bùi Tá H2 và Bùi Thị T2, ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác. Ông H1 mất từ khi ông còn rất nhỏ, vợ chồng ông sống cùng với ông bà nội tại thửa đất nêu trên. Đến năm 1980, ông lập gia đình (kết hôn với bà Nguyễn Thị L) nên ông bà nội ông đã cho vợ chồng ông một phần diện tích thửa đất số 35 nêu trên để xây dựng nhà ở, vợ chồng đã quản lý, sử dụng từ đó đến nay, sự việc này ông H2, bà T2 đều biết. Ông nội ông mất năm 1984, bà nội ông mất năm 1986, cả hai đều không có di chúc. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015 thì đến nay thời hiệu để yêu cầu chia di sản của ông bà nội ông đã hết và di sản sẽ thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản là ông (Bùi Tá T). Ngày 10/3/2009, ông có làm Đơn xin xác nhận với nội dung là ông bà nội đã cho ông mảnh đất nêu trên và hai vợ chồng sử dụng tới nay. Trong giấy này có chữ ký xác nhận của bà T2, ông H2 - là cô chú ruột của ông, Tổ trưởng tổ dân phố cùng những người làm chứng khác. Vì thế, thửa đất hiện tại không có tranh chấp, thửa đất này được đo đạc cụ thể, hiện trạng thửa đất được ghi nhận rõ ràng trong các bản đồ lập qua các thời kì, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất

chung của địa phương. Như vậy, căn cứ Điều 101 của Luật Đất đai 2013, vợ chồng ông hoàn toàn có đủ căn cứ về nguồn gốc đất và về hiện trạng thửa đất khi tiến hành việc kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy, ngày 07/7/2022, vợ chồng ông đã nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Q để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần diện tích được ông bà nội cho vào năm 1980 (một phần đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), nay là hai thửa đất số 153, diện tích 153,9m^2 và thửa đất số 12, diện tích 186,3m^2 cùng tờ bản đồ số 15, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Bản đồ đo vẽ năm 2016). Ngày 29/9/2022, ông đến nhận hồ sơ theo giấy hẹn thì biết được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q đã trả hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông theo Thông báo số 862/TB-CNTPQN và Thông báo số 873/TB-CNTPQN cùng ngày 21/9/2022. Nhận thấy, hành vi trả hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng là trái quy định của pháp luật và xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, ông bà yêu cầu Toà giải quyết như sau:

- Tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà theo Thông báo số 862/TB-CNTPQN và Thông báo số 873/TB-CNTPQN cùng ngày 21/9/2022 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q phải tiếp nhận lại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà đối với hai thửa đất số 153, diện tích 153,9m^2 và thửa đất số 12, diện tích 186,3m^2 cùng tờ bản đồ số 15, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo đúng quy định pháp luật.

** Tại Văn bản số 1845/VPĐKĐ-ĐKCGCN ngày 05/12/2022, người bị kiện* - Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q *trình bày:*

Ngày 07/7/2022, ông Bùi Tá T và bà Nguyễn Thị L nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 15, diện tích 153,9m^2 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 15, diện tích 186,3m^2, phường T. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q tiến hành kiểm tra hiện trạng thửa đất và hồ sơ địa chính lập theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, tại Sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b) không ai đứng tên kê khai đăng ký. Sổ mục kê tại quyển số 01, trang 66, thửa đất số 35, tờ bản đồ số 04, đo vẽ năm 1983, diện tích 2.010m^2, loại đất T, do ông Bùi Tá Đ1 đứng tên kê khai. Tuy nhiên, theo nguồn gốc bà L kê khai trong đơn đăng ký thì nguyên thửa đất do ông Bùi Tá Đ1 và bà Trần Thị K tạo lập năm 1975. Đến năm 1980, để lại cho ông Bùi Tá T và bà Nguyễn Thị L quản lý sử dụng. Căn cứ khoản 11 Điều 7 của Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 thì hồ sơ của bà Nguyễn Thị L không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ngày 21/9/2022, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q ban hành Thông báo số 862/TB- CNTPQN và Thông báo số 873/TB-CNTPQN về việc trả hồ sơ không giải quyết cho ông Bùi Tá T, bà

Nguyễn Thị L và hướng dẫn ông T, bà L liên hệ UBND phường T để thực hiện việc khai nhận di sản thừa kế và những người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của ông Bùi Tá Đ1, bà Nguyễn Thị K1, đồng thời cử người đại diện đứng tên kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để được xem xét giải quyết theo quy định. Tuy nhiên, ông T và bà L không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn của Chi nhánh thành phố Q.

** Tại Văn bản số 2293/CNTPQN ngày 26/12/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q *trình bày:*

- Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 15 (bản đồ đo vẽ năm 2016):

Ngày 07/7/2022, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Q tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của ông Bùi Tá T và bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: phường T, Tp .. Qua kiểm tra, xác minh hồ sơ nêu trên Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh T nhận thấy hồ sơ không đủ điều kiện để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo nguồn gốc sử dụng đất của bà Nguyễn Thị L tự kê khai: "Đất này là của ông bà nội tôi là ông Bùi Tá Đ1 và bà Trần Thị K tạo lập từ năm 1975. Đến năm 1980 tôi lập gia đình ông bà nội cho tôi quản lý và sử dụng (không thiết lập giấy tờ). Tôi làm nhà ở trên mảnh đất này và được gia đình và các anh em xác nhận (không có tranh chấp)".

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Q phối hợp với chủ hộ kiểm tra hiện trạng thửa đất thuộc thửa số 153, tờ bản đồ số 15, diện tích 153,9m^2. Đối chiếu bản đồ qua các thời kỳ:

Bản đồ năm 1983: thuộc thửa đất số 35, tờ số 4, diện tích 2.010m^2, loại đất T3 Bản đồ năm 1998: thuộc thửa đất số 32, tờ số 2, diện tích 1.760m^2, loại đất T3 Bản đồ năm 2016: thuộc thửa đất số 153, tờ số 15, diện tích 153,9m^2.

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính lập theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ tại Sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b) không ai đứng tên kê khai đăng ký.

Sổ mục kê tại quyển số 01, trang số 66, thửa đất số 35, tờ bản đồ số 4, đo vẽ năm 1983, diện tích 2.010m^2, loại đất T, do ông Bùi Tá Đ1 đứng tên.

Như vậy, theo nguồn gốc bà Nguyễn Thị L kê khai nguyên thửa đất do ông Bùi Tá Đ1 và bà Trần Thị K tạo lập năm 1975. Đến năm 1980, để lại cho ông Bùi Tá T và bà Nguyễn Thị L quản lý sử dụng nhưng tại hồ sơ địa chính lập theo Chỉ thị 299/TTg thì thửa đất trên do ông Bùi Tá Đ1 đứng tên kê khai. Đồng thời, tại thời điểm ông Bùi Tá Đ1 và bà Trần Thị K tặng cho ông Bùi Tá T, bà Nguyễn Thị L thì ông Bùi Tá T mới 16 tuổi và bà Nguyễn Thị L mới 17 tuổi. Căn cứ Điều 21 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 11 Điều 7 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T5 thì trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên là không đủ điều kiện.

Ngày 21/9/2022, Văn phòng Đ, Chi nhánh thành phố Q có Thông báo số 862/TB-CNTPQN về việc trả hồ sơ không giải quyết của bà Nguyễn Thị L là đúng quy định pháp luật. Sau khi nhận lại hồ sơ đề nghị ông, bà liên hệ đến UBND phường T để được xem xét hướng dẫn lập Giấy kê khai di sản thừa kế và những người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của ông Bùi Tá Đ1, bà Nguyễn Thị K1 và những người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của ông Bùi Tá Đ1, bà Nguyễn Thị K1 lập văn bản thoả thuận cử người đại diện đứng tên kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND phường T chứng thực (02 bản). Sau đó nộp lại hồ sơ để được xem xét giải quyết theo quy định.

- Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 15 (bản đồ đo vẽ năm 2016):

Ngày 07/7/2022, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Q tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của ông Bùi Tá T và bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: phường T, thành phố Q. Qua kiểm tra, xác minh hồ sơ nêu trên Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q nhận thấy hồ sơ không đủ điều kiện để được giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo nguồn gốc sử dụng đất của bà Nguyễn Thị L tự kê khai: "Đất này là của ông bà nội tôi là ông Bùi Tá Đ1 và bà Trần Thị K tạo lập từ năm 1975. Đến năm 1980 tôi lập gia đình ông bà nội cho tôi quản lý và sử dụng (không thiết lập giấy tờ). Tôi làm nhà ở trên mảnh đất này và được gia đình và các anh em xác nhận (không có tranh chấp)".

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Q phối hợp với chủ hộ kiểm tra hiện trạng thửa đất thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 15, diện tích 186,3m^2. Đối chiếu bản đồ qua các thời kỳ:

Bản đồ năm 1983: thuộc thửa đất số 35, tờ số 4, diện tích 2.010m^2, loại đất T3 Bản đồ năm 1998: thuộc thửa đất số 32, tờ số 2, diện tích 1.760m^2, loại đất T3 Bản đồ năm 2016: thuộc thửa đất số 12, tờ số 15, diện tích 186,3m^2.

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính lập theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, tại Sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b) không ai đứng tên kê khai đăng ký. Sổ mục kê tại quyển số 01, trang số 66, thửa đất số 35, tờ bản đồ số 04, đo vẽ năm 1983, diện tích 2.010m^2, loại đất T, do ông Bùi Tá Đ1 đứng tên. Như vậy, theo nguồn gốc bà Nguyễn Thị L kê khai nguyên thửa đất do ông Bùi Tá Đ1 và bà Trần Thị K tạo lập năm 1975. Đến năm 1980, để lại cho ông Bùi Tá T và bà Nguyễn Thị L quản lý sử dụng nhưng theo hồ sơ địa chính lập theo Chỉ thị 299/TTg thì thửa đất trên do ông Bùi Tá Đ1 đứng tên kê khai. Đồng thời, tại thời điểm ông Bùi Tá Đ1 và bà Trần Thị K tặng cho ông Bùi Tá T, bà Nguyễn Thị L thì ông Bùi Tá T mới 16 tuổi và bà Nguyễn Thị L mới 17 tuổi. Căn cứ Điều 21 của Bộ Luật dân sự 2015; khoản 11 Điều 7 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T5 thì trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên là không đủ điều kiện.

Ngày 21/9/2022, Văn phòng Đ, Chi nhánh thành phố Q có Thông báo số 873/TB-CNTPQN về việc trả hồ sơ không giải quyết của bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: phường T, thành phố Q là đúng quy định pháp luật. Sau khi nhận lại hồ sơ đề nghị

ông, bà liên hệ đến UBND phường T để được xem xét hướng dẫn lập Giấy kê khai di sản thừa kế và những người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của ông Bùi Tá Đ1, bà Nguyễn Thị K1 và những người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của ông Bùi Tá Đ1, bà Nguyễn Thị K1 lập văn bản thoả thuận cử người đại diện đứng tên kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND phường T chứng thực (02 bản). Sau đó nộp lại hồ sơ để được xem xét giải quyết theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông* Bùi Tá C1 *trình bày:*

Đất mà ông T, bà L khiếu kiện Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q tại Toà, nguyên là ông bà lưu hạ cho ông nội ông là Bùi Tá Đ1, bà nội là Trần Thị K từ trước năm 1975, diện tích 2.010m^2, loại đất thổ cư. Đến năm 1984, ông nội ông chết, năm 1986 bà nội chết. Cha ông là ông Bùi Tá H1, sinh năm 1927, chết năm 1971 và mẹ ông là bà Dương Thị H3, sinh năm 1930. Cha mẹ ông có 05 người con gồm: Bùi Tá C1 - sinh năm 1959; Bùi Tá T - sinh năm 1964; Bùi Thị Đ2 - sinh năm 1967; Bùi Tá M - sinh năm 1970; Bùi Thị X - sinh năm: 1971, chết năm 2021.

Sau khi ông bà nội ông chết, mẹ ông là con dâu trưởng quản lý và sử dụng canh tác, sản xuất làm ăn và nộp thuế cho Nhà nước hằng năm đầy đủ đối với thửa đất này. Đến năm 1998, mẹ ông thấy tuổi già sức yếu nên gọi 05 người con có sự chứng kiến của chú ruột là Bùi Tá H2, cô ruột là Bùi Thị T2, chia cho 05 người con mỗi người là 200m^2 x 5 = 1.000m^2, còn lại 1.010m^2 mẹ ông trọn quyền sử dụng có xác nhận của Chủ tịch UBND phường T ký tên và đóng dấu. Đến năm 2003, Nhà nước mở đường An Dương V đi qua giữa mảnh vườn của mẹ ông và các con, phần người nào thì người đó nhận tiền đền bù, không ai tranh chấp với ai và sau đó làm nhà trên mảnh đất 200m^2, còn lại trừ ông T là trúng vỉa hè, bà Đ2 thì chưa làm nhà.

Năm 2004, các con làm nhà nhưng tiền đền bù của Nhà nước quá thấp, mẹ ông quyết định bán 50m^2 đất cho ông Nguyễn Phùng C2 và bà Tô Thị S1 để hỗ trợ cho 05 người con làm nhà (phần bán này ông C2, bà S1 đã nhận không còn liên quan gì nữa), phần còn lại bà chi tiêu tuổi già.

Năm 2007, chú ruột ông là Bùi Tá H2 và cô ruột là Bùi Thị T2 tranh chấp với mẹ ông là bà Dương Thị H3 còn khoảng đất trống chia cho các con còn lại giao ông Bùi Tá H2 và Bùi Thị T2. Mẹ ông không đồng ý thì ông bà khởi kiện tại Tòa án, Tòa án không nhận đơn, ông tiếp tục đưa đơn đến UBND thành phố Q và tỉnh Quảng Ngãi. Tiếp tục ông về chặt bờ rào phía Tây của thửa đất còn lại của bà Dương Thị H3 xây móng nhà với diện tích 57m^2. Sau đó, UBND thành phố và UBND tỉnh Q bác đơn từ năm 2009 cho đến nay. Năm 2010, ông Bùi Tá T cùng Phòng T6 lên đo đạc diện tích đất còn lại của bà Dương Thị H3 nằm phía Bắc An Dương V với diện tích 150m^2, so với biên bản năm 1998 tăng 150m^2. Mẹ ông đưa đơn lên UBND phường T giải quyết nhiều lần nhưng không thành. Ông T nộp đơn đến UBND thành phố Q giải quyết. Sau đó, UBND thành phố bác đơn của ông Bùi Tá T từ ngày 01/6/2011 cho đến nay.

Năm 2018, ông Bùi Tá T làm lán trại để chứa vật liệu xây nhà trên phần đất 150m^2 của mẹ ông, làm xong nhà ông không ở mà ở lán trại mãi cho đến nay. Năm 2022, ông mời ông T cùng 05 anh em qua nhà họp bàn đối với diện tích 300m^2 do mẹ ông để lại nhưng không có di chúc nên chia đều cho 05 anh em nhưng ông Bùi Tá T không đồng ý mà yêu cầu lấy hết phần đất mẹ ông trọn quyền sử dụng. Nay, ông T và bà L đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất này thì ông được biết Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh thành phố không cấp nên khởi kiện ra Toà. Nay, ông đề nghị Toà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 16/6/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính; khoản 11 Điều 7 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T5; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tá T, bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Tá T, bà Nguyễn Thị L theo Thông báo số 862/TB-CNTPQN và Thông báo số 873/TB-CNTPQN cùng ngày 21/9/2022 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q phải tiếp nhận lại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Tá T, bà Nguyễn Thị L đối với hai thửa đất số số 133, diện tích 153,9m^2 và thửa đất số 12, diện tích 186,3m^2 cùng tờ bản đồ số 15, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/6/2023, ông Bùi Tá T và bà Nguyễn Thị L kháng cáo và ngày 12/7/2022, ông T, bà L có đơn kháng cáo bổ sung cùng nội dung: đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà, sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông T, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện - Luật sư Nguyễn Cao H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q tiếp nhận lại hồ sơ vì: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh T căn cứ Điều 21 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 11 Điều 7 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T5, hướng dẫn lập Giấy kê khai di sản thừa kế và lập văn bản thoả thuận cử người đại diện đứng tên kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND

phường T chứng thực và Toà án cấp sơ thẩm đưa ông Bùi Tá C1 vào tham gia tố tụng là không đúng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông T, bà L; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Trần Trung C - Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q và ông Trương Quang Đ - nhân viên Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của ông Bùi Bá T4 và bà Nguyễn Thị L đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 04, đo vẽ năm 1983 (bản đồ 299/TTg) do ông Bùi Tá Đ1 đứng tên trong Sổ mục kê tại quyển số 01, trang số 66 với diện tích 2.010m^2, loại đất T3 Sau khi cụ Bùi Tá Đ1 và cụ Trần Thị K mất thì bà Dương Thị H3 (là con dâu của cụ Đ1, cụ K và là mẹ của ông Bùi Tá T) là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất này. Ngày 24/11/1998, bà Dương Thị H3 lập "Biên bản cho đất" cho 05 người con, mỗi người 200m^2, phần còn lại 1.000m^2 bà H3 quản lý, sử dụng (Biên bản này có sự chứng kiến của ông Bùi Tá H2 và bà Bùi Thị T2, được UBND phường T xác nhận, đóng dấu). Diện tích đất ông T được chia 200m^2, theo bản đồ đo vẽ năm 2016, phường T thuộc thửa đất số 132, diện tích 102m^2 và thửa đất số 154, diện tích 98m^2 cùng tờ bản đồ số 15, ông T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng thửa đất số 12 và thửa đất số 133, cùng tờ bản đồ số 15 mà ông T, bà L đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Bùi Tá C1 đã phát sinh tranh chấp nhiều lần, Ủy ban nhân dân phường T nhưng không thành.

[2.2] Tại Đơn báo cáo ngày 05/8/2022 gửi UBND phường T, Bản tự khai ngày 13/6/2023 gửi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi của ông Bùi Tá C1 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông C1 đều cho rằng: sau khi mẹ ông là bà Dương Thị H3 cho đất các con vào năm 1998 với tổng diện tích là 1.000m^2, phần diện tích còn lại là 1.010m^2 mẹ ông quản lý, sử dụng. Năm 2004, do mở tuyến đường A đi qua thửa đất nên Nhà nước thu hồi khoảng 800m^2, còn lại 350m^2. Sau đó, để hỗ trợ cho các con làm nhà, mẹ ông bán 50m^2 cho ông Nguyễn Phùng C3, bà Tô Thị S1, phần còn lại 300m^2 mẹ ông sử dụng. Năm 2016, mẹ ông chết không để lại di chúc. Tại Biên bản hòa giải ngày 28/10/2021 của UBND phường T, ông C1 đề nghị chia 300m^2 đất do mẹ ông để lại cho anh chị em vì gia đình không giải quyết được. Cũng tại đơn ngày 05/8/2022, ông C1 cho rằng đất do mẹ ông để lại, không lập di chúc nên

ông T, bà L xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tự kê khai đất ông T trọn quyền quản lý, sử dụng là không có cơ sở. Do đó, ông đề nghị tạm dừng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà L.

[2.3] Ông Bùi Tá T, bà Nguyễn Thị L cho rằng ông, bà được cụ Đ1, cụ K tặng cho thửa đất số 133 và thửa đất số 12 vào năm 1980 nhưng ông T, bà L không cung cấp tài liệu, giấy tờ chứng minh về việc cụ Đ1, cụ K cho hai thửa đất nói trên và cũng không xác định được phần diện tích cho là bao nhiêu m^2. Cụ Đ1 và cụ K ngoài ông Bùi Tá H1 còn có các con là ông Bùi Tá H2, bà Bùi Thị T2. Cụ Đ1 và cụ K chết không lập di chúc hay giấy tờ tặng cho thửa đất số 35, tờ bản đồ số 04 cho bất kỳ ai. Theo trình bày của ông C1 ngày 13/6/2023 thì năm 2007, ông Bùi Tá H2 và bà Bùi Thị T2 đã tranh chấp với mẹ ông. Vụ việc đã được Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết tại Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 20/7/2009. Mặt khác, tại Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 133 và thửa đất số 12, cùng tờ bản đồ số 15, ông T, bà L kê khai nguồn gốc sử dụng như sau: "Đất này là của ông bà nội tôi là ông Bùi Tá Đ1 và bà Trần Thị K tạo lập từ năm 1975. Đến năm 1980 tôi lập gia đình ông bà nội cho tôi quản lý và sử dụng (không thiết lập giấy tờ). Tôi làm nhà ở trên mảnh đất này và được gia đình và các anh em xác nhận (không có tranh chấp)" là không phù hợp với thông tin được lưu giữ tại cơ quan đăng ký. Do đó, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q trả hồ sơ cho ông Bùi Tá T, bà Nguyễn Thị L tại các Thông báo về việc trả hồ sơ không giải quyết số 862/TB-CNTPQN, 873/TB-CNTPQN cùng ngày 21/9/2022 và hướng dẫn ông T, bà L liên hệ UBND phường T để được hướng dẫn lập Giấy kê khai di sản thừa kế là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà L; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên ông T, bà L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Tá T, bà Nguyễn Thị L và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 16/6/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng khoản 11 Điều 7 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T5, Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tá T và bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Tá T, bà Nguyễn Thị L theo Thông báo số 862/TB-CNTPQN và Thông báo số 873/TB-CNTPQN cùng ngày 21/9/2022 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q phải tiếp nhận lại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Tá T, bà Nguyễn Thị L đối với hai thửa đất số số 133, diện tích 153,9m^2 và thửa đất số 12, diện tích 186,3m^2 cùng tờ bản đồ số 15, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo đúng quy định pháp luật.

2. Về án phí: ông Bùi Tá T và bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006857 ngày 18/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên